ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN VỀ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG TẠI TECHCOMBANK

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.1 Định nghĩa các từ ngữ sử dụng trong Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này được hiểu như sau:

1.1.1 **"Điều khoản, điều kiện":** được hiểu là Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại Techcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân).

1.1.2 **"Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng":** bao gồm Đề nghị kiêm Hợp đồng về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại Techcombank; Điều khoản, điều kiện và các văn bản sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ.

1.1.3 **"Techcombank"**: là Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, là tổ chức tín dụng thực hiện phát hành và thanh toán thẻ tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và TCTQT.

1.1.4 **"Chủ thẻ"**: là cá nhân được Techcombank cung cấp Thẻ để sử dụng theo Hạn mức tín dụng được cấp, có tên Chủ thẻ bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ (nếu có).

Chủ thẻ chính là cá nhân đứng tên thỏa thuận về việc sử dụng Thẻ với Techcombank và có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận này.

Chủ thẻ phụ là cá nhân được Chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ và Chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo Điều khoản, điều kiện này.

1.1.5 **"Thẻ/Thẻ tín dụng":** trong phạm vi Điều khoản, điều kiện này được hiểu là tất cả các loại thẻ tín dụng do Techcombank phát hành.

1.1.6 **"Thẻ tín dụng đồng thương hiệu":** là Thẻ đồng thời có thương hiệu của tổ chức chuyển mạch thẻ tại Việt Nam và thương hiệu của tổ chức thẻ quốc tế hoặc tổ chức chuyển mạch thẻ của quốc gia khác .

1.1.7 **"Thẻ tín dụng liên kết"**: là một loại thẻ tín dụng do Techcombank phát hành trên cơ sở thỏa thuận hợp tác giữa Techcombank và Đối tác trong từng thời kỳ.

1.1.8 **"Thẻ tín dụng DreamCard":** là một loại thẻ tín dụng do Techcombank phát hành.

1.1.9 **"Thẻ tín dụng được bảo hiểm":** là những loại thẻ tín dụng mà Chủ thẻ chính được Techcombank tặng một hợp đồng bảo hiểm theo sản phẩm của công ty bảo hiểm. Danh sách các loại thẻ tín dụng được bảo hiểm sẽ được Techcombank thông báo cụ thể tại phần nội dung của sản phẩm thẻ tín dụng đó trên website của Techcombank theo từng thời điểm.

1.1.10 **"Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm":** là Chủ thẻ chính của các loại thẻ tín dụng được bảo hiểm và được Techcombank và Công ty bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm.

1.1.11 **"Tài khoản"**: là tài khoản của Chủ thẻ do Techcombank mở và quản lý việc sử dụng Hạn mức tín dụng. Chủ thẻ phụ sử dụng chung một tài khoản với Chủ thẻ chính.

1.1.12 **"Giao dịch thẻ"**: là giao dịch trong đó Chủ thẻ sử dụng Thẻ để nạp, rút tiền mặt, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng các dịch vụ được phép khác do Techcombank hoặc các Tổ chức thanh toán thẻ khác cung ứng.

1.1.13 **"Mã số xác định chủ thẻ" hoặc "PIN" hoặc "phương thức xác nhận giao dịch điện tử khác"**: là mã số mật cá nhân của Chủ thẻ/phương thức xác nhận giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến được cung cấp bởi Techcombank hoặc do KH tự khởi tạo tùy theo quy định của Techcombank từng thời kỳ và được sử dụng trong một số loại hình giao dịch thẻ để chứng thực Chủ thẻ. Mã số này do Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật. Trong giao dịch điện tử với Techcombank, việc Chủ thẻ sử dụng mã số xác định chủ thẻ hoặc các phương thức khác theo quy định từng thời kỳ được coi là phương thức xác định Chủ thẻ và khẳng định sự chấp thuận của Chủ thẻ đó đối với thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử. PIN được cung cấp cho chủ thẻ bằng cách (i) cung cấp qua các kênh dịch vụ Ngân hàng điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn qua tin nhắn SMS gửi

tới số điện thoại di động Chủ thẻ đăng ký với Techcombank hoặc qua dịch vụ Techcombank Online Banking/ Techcombank Mobile mà Chủ thẻ tham gia (ii) do KH tự khởi tạo trên các kênh dịch vụ Ngân hàng điện tử.

1.1.14 **"Thời hạn hiệu lực thẻ"**: là thời hạn Chủ thẻ được phép sử dụng Thẻ.

1.1.15 **"Ngày hết hạn thẻ":** là ngày cuối cùng của tháng hết thời hạn hiệu lực thẻ

1.1.16 **"Ngày chuyển nợ quá hạn":** là ngày liền kề sau ngày đến hạn thanh toán mà Chủ thẻ chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu.

1.1.17 **"Tổ chức Thẻ quốc tế"**: là tổ chức được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với Techcombank và các bên liên quan khác để hợp tác phát hành và thanh toán thẻ có mã tổ chức phát hành thẻ do Tổ chức Thẻ quốc tế cấp phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.

1.1.18 **"Hạn mức tín dụng"**: là giá trị tín dụng tối đa mà Chủ thẻ được Techcombank cho phép sử dụng trong một Chu kỳ tín dụng.

1.1.19 **"Chu kỳ tín dụng"**: là khoảng thời gian kể từ khi Chủ thẻ bắt đầu sử dụng Hạn mức tín dụng cho đến khi Chủ thẻ hoàn trả lại toàn bộ dư nợ để khôi phục lại toàn bộ Hạn mức tín dụng.

1.1.20 **"Kỳ sao kê"**: là khoảng thời gian Techcombank lập Sao kê, được tính từ Ngày sau Ngày sao kê của kỳ liền trước tới hết Ngày sao kê của kỳ hiện tại.

1.1.21 "**Sao kê**": là bảng kê liệt kê chi tiết các phát sinh trong Kỳ sao kê (các khoản thanh toán, rút tiền mặt cùng phí và lãi phát sinh, các khoản trả nợ), Dư nợ cuối kỳ, Mức trả nợ tối thiểu, Ngày đến hạn thanh toán và các thông tin khác. Sao kê được gửi cho Chủ thẻ sau Ngày sao kê để làm căn cứ trả nợ. Hình thức gửi sao kê cho Chủ thẻ cụ thể phụ thuộc đăng ký của Chủ thẻ và quy định từng thời kỳ của Techcombank.

1.1.22 **"Ngày sao kê"**: là ngày Techcombank lập Sao kê và do Techcombank quy định.

1.1.23 **"Ngày đến hạn thanh toán"**: là ngày cuối cùng mà Chủ thẻ phải thanh toán cho Techcombank các khoản chi tiêu cùng phí và lãi phát sinh trong Kỳ sao kê theo quy định của Techcombank.

1.1.24 **"Mức trả nợ tối thiểu"**:là khoản tiền tối thiểu Chủ thẻ phải thanh toán cho Techcombank trong mỗi Kỳ sao kê theo quy định của Techcombank.

1.1.25 **"Dư nợ":** Là số tiền Chủ thẻ đang nợ Techcombank tại một thời điểm bất kỳ phát sinh từ việc phát hành và sử dụng Thẻ.

1.1.26 **"Dư nợ cuối kỳ":** Là Số tiền Chủ thẻ đang nợ Techcombank tính đến hết Ngày sao kê.

1.1.27 **"Tài sản bảo đảm"**: là tiền ký quỹ, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của Techcombank, được Techcombank chấp nhận làm Tài sản bảo đảm cho việc sử dụng Hạn mức tín dụng của Chủ thẻ và không dùng để thanh toán ở các Kỳ sao kê.

1.1.28 **"Công ty bảo hiểm"**: là công ty cung cấp các sản phẩm bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

1.1.29 **"Sản phẩm bảo hiểm"**: là sản phẩm do Công ty bảo hiểm cung cấp cho Techcombank theo các qui tắc bảo hiểm được Bộ tài chính phê duyệt và cấp phép, và được Techcombank mua để dành tặng cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm.Việc Techcombank mua sản phẩm bảo hiểm của Công ty bảo hiểm cụ thể nào để tặng cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm sẽ được Techcombank thông báo trên website chính thức của Techcombank vào từng thời điểm cụ thể.

1.1.30 **"Ngày xử lý giao dịch của TCTQT"**: là ngày mà Techcombank nhận được quyết toán giao dịch từ Tổ chức thẻ quốc tế và ghi nhận giao dịch vào tài khoản thẻ.

1.1.31 **"Yêu cầu qua tổng đài":** là các yêu cầu trợ giúp của Chủ thẻ chính thông qua Tổng đài theo đó Chủ thẻ chính có trách nhiệm trả lời đúng bộ câu hỏi xác thực Chủ thẻ theo quy định của Techcombank để được Tổng đài xử lý yêu cầu trợ giúp. Techcombank được quyền xử lý yêu cầu của cá nhân gọi lên Tổng đài nếu cá nhân đó trả lời đúng Mật khẩu giao dịch qua điện thoại theo quy định của Techcombank và Techcombank được

miễn trách về việc xử lý yêu cầu này trong trường hợp Chủ thẻ để lộ mật khẩu giao dịch qua điện thoại của Chủ thẻ cho người thứ ba.

1.1.32 **"Tổng đài":** Tổng đài Dịch vụ khách hàng 24/7 của Techcombank và bất kỳ số điện thoại/thư điện tử/phương tiện điện tử khác phục vụ Khách hàng liên quan tới việc phát hành, sử dụng thẻ của Techcombank.

1.1.33 "**Tài khoản đăng ký**" là tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại Techcombank được Chủ thẻ sử dụng để đăng ký trích nợ tự động.

1.1.34 **"Mật khẩu giao dịch qua điện thoại/phương thức điện tử khác":** là bộ câu hỏi xác thực Chủ thẻ theo quy định của Techcombank trong trường hợp Chủ thẻ yêu cầu trợ giúp qua Tổng đài.

1.1.35 **"CVV2/CVC":** là mã số nhằm xác thực Chủ thẻ khi thực hiện các giao dịch thanh toán bằng Thẻ trên Internet.

1.1.36 **"Đối tác"**: là đơn vị có thỏa thuận hợp tác với Techcombank để phát triển các sản phẩm thẻ tín dụng liên kết.

1.1.37 **"Thanh toán thẻ qua Mã phản hồi nhanh" (**Quick Response Code – viết tắt là QR Code): là việc Chủ thẻ sử dụng QR Code để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ cho ĐVCNT, bao gồm hình thức QR Code từ phía ĐVCNT (Merchant-Presented QR Code) và hình thức QR Code từ phía Chủ thẻ (Consumer-Presented QR Code).

1.1.38 **"Thẻ vật lý":** là thẻ có hình thức hiện hữu vật chất, thông thường được làm bằng chất liệu nhựa, có gắn dải chip điện tử để lưu giữ dữ liệu thẻ, có thông tin in trên thẻ.

1.1.39 **"Thẻ phi vật lý"**: là thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và hiển thị các thông tin trên thẻ theo quy định của Ngân hàng nhà nước. Thẻ phi vật lý có thể được Techcombank phát hành thẻ in ra thẻ vật lý theo thỏa thuận giữa tổ chức phát hành thẻ và chủ thẻ.

1.1.40 "**Giờ Cut-Off**": là thời điểm để tập hợp các giao dịch được hệ thống Techcombank xử lý trong một khoảng thời gian nhất định hoặc trong ngày theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ

1.1.41 **"OTP":** là mật khẩu có giá trị sử dụng một lần, được tạo ngẫu nhiên bởi hệ thống và có hiệu lực trong thời gian nhất định, dùng để xác thực/xác nhận giao dịch do chính Chủ Thẻ thực hiện. (One Time Password)

Các thuật ngữ trong Điều khoản, điều kiện này nếu không được giải thích tại đây sẽ tuân theo định nghĩa tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 18/2024/TT-NHNN.

1.2 Các từ viết tắt:

1.2.1 **"PIN":** Mã số xác định chủ thẻ (Personal Identification Number)

1.2.2 **"ATM":** Máy giao dịch tự động" (Automated Teller Machine)

1.2.3 **"ĐVCNT":** Đơn vị chấp nhận thẻ

1.2.4 **"TCTQT":** Tổ chức thẻ quốc tế

1.2.5 **"TCTTT"**: Tổ chức thanh toán thẻ

1.2.6 **"TSBĐ":** Tài sản bảo đảm

1.2.7 **"HMTD":** Hạn mức tín dụng

2. THẺ CHÍNH VÀ THẺ PHỤ

2.1 Techcombank có quyền quy định số lượng thẻ phụ tối đa mà Chủ thẻ chính được phát hành tại từng thời điểm. Quy định này được Techcombank thông báo công khai trên website chính thức của Techcombank.

2.2 Nếu Chủ thẻ chính là người được tổ chức bảo lãnh sử dụng Thẻ, Chủ thẻ chính không được phép phát hành thẻ phụ nếu không được bên bảo lãnh chấp thuận.

2.3 Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ cùng sử dụng chung một HMTD mà Techcombank cấp cho Chủ thẻ chính và cùng chịu trách nhiệm thanh toán Dư nợ cho Techcombank khi được yêu cầu. Trong trường hợp Chủ thẻ

chính không có khả năng thanh toán Dư nợ, (các) Chủ thẻ phụ phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ Dư nợ và ngược lại.

2.4 Giao dịch của Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một Sao kê và được gửi cho Chủ thẻ chính để thanh toán.

2.5 Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ cùng chịu trách nhiệm liên đới và mỗi người chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này. Việc mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo Điều khoản, điều kiện này của Chủ thẻ chính vì bất kỳ lý do gì và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không làm giảm trừ nghĩa vụ liên đới của (các) Chủ thẻ phụ trong việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này. Trường hợp Chủ thẻ chính hoặc Chủ thẻ phụ mất khả năng thực hiện Điều khoản, điều kiện này thì (các) Chủ thẻ còn lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của tất cả các Chủ thẻ đối với Techcombank.

2.6 Trường hợp Chủ thẻ bị chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi thì việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.7 Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu Techcombank ngừng cung cấp dịch vụ Thẻ cho Chủ thẻ phụ bằng văn bản hoặc thông báo qua Tổng đài của Techcombank. Nếu việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ chính bị chấm dứt hoặc Điều khoản, điều kiện này bị chấm dứt thì việc sử dụng Thẻ phụ của Chủ thẻ phụ đương nhiên chấm dứt theo. Chủ thẻ phụ không có quyền yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ chính cũng như bất cứ yêu cầu nào khác liên quan đến hiệu lực của bản Điều khoản, Điều kiện này.

2.8 (Các) Chủ thẻ phụ đồng ý ủy quyền cho Chủ thẻ chính thay mặt (các) Chủ thẻ phụ thông báo cho Techcombank về việc mất Thẻ, phát hành lại thẻ tín dụng thay thế thẻ tín dụng hết hạn, nhận Thẻ, nhận PIN và kích hoạt Thẻ của Chủ thẻ phụ và các yêu cầu trợ giúp khác (nếu có).

2.9 Việc phát hành thẻ vật lý và phi vật lý sẽ theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ. Khách hàng có thể chọn phát hành thêm thẻ vật lý dựa trên dữ liệu thẻ phi vật lý đã phát hành tùy theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

3. PHẠM VI SỬ DỤNG THẺ

3.1 Thẻ (bao gồm thẻ vật lý, thẻ phi vật lý) được sử dụng để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ, nạp, rút tiền mặt và sử dụng các dịch vụ được phép khác từ hệ thống ATM và hệ thống chấp nhận thẻ của Techcombank và các Ngân hàng khác có hệ thống thẻ kết nối với hệ thống thẻ của Techcombank dưới hình thức kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số tổ chức bù trừ điện tử giao dịch thẻ.

3.2 Chủ thẻ cũng có thể sử dụng thông tin Thẻ và thông qua việc sử dụng các yếu tố xác thực Chủ thẻ như số PIN và/hoặc số CVV2/CVC/phương thức xác nhận giao dịch điện tử khác để thực hiện giao dịch MOTO, giao dịch trên internet và các giao dịch khác theo đăng ký với Techcombank (việc đăng ký để sử dụng các giao dịch này tuân theo quy định của Techcombank từng thời kỳ):

a. Giao dịch MOTO (Mail Order/Phone Order) là giao dịch mà Chủ thẻ sử dụng thông tin Thẻ đặt mua hàng hóa, dịch vụ từ ĐVCNT qua điện thoại hoặc email hoặc các phương tiện truyền thông khác. Trong đó, Thẻ và/hoặc Chủ thẻ không phải hiện diện trực tiếp tại ĐVCNT.

b. Giao dịch thẻ trên internet: là giao dịch mà Chủ thẻ sử dụng thông tin Thẻ đặt mua hàng hóa, dịch vụ qua internet.

c. Giao dich manual key: là giao dịch mà ĐVCNT nhập tay thông tin thẻ được cung cấp bởi Chủ Thẻ lên hệ thống thanh toán để thực hiện giao dịch.

Chủ thẻ nhận thức đầy đủ rủi ro và chịu trách nhiệm khi thực hiện các giao dịch trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm bảo mật các yếu tố xác thực Chủ thẻ.

4.CÁC LOẠI PHÍ PHÁT HÀNH, PHÍ SỬ DỤNG THẺ VÀ TỶ GIÁ

4.1 **Phí phát hành Thẻ (trên cơ sở hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng mới):** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi đăng ký phát hành Thẻ trên cơ sở Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ và được Techcombank chấp nhận.

4.2 **Phí thay đổi loại Thẻ/hạng Thẻ (giữ nguyên hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng đang có hiệu lực):** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Techcombank chấp nhận yêu cầu thay đổi loại Thẻ/hạng Thẻ của Chủ thẻ nhưng không thay đổi Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng Thẻ đang có hiệu lực.

4.3 **Phí phát hành lại Thẻ (do mất cắp, thất lạc, hỏng thẻ, thay đổi loại thẻ, hạng thẻ…):** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ phát hành lại Thẻ do mất cắp, thất lạc, hỏng thẻ, thay đổi loại thẻ, hạng thẻ… và không thay đổi Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng Thẻ đang có hiệu lực.

4.4 **Phí thường niên (thu theo năm, căn cứ Thời hạn hiệu lực thẻ):** là khoản phí Chủ thẻ phải trả hàng năm để duy trì việc sử dụng Thẻ.

4.5 **Phí tra soát, khiếu nại:** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi tranh chấp liên quan đến việc sử dụng Thẻ được đưa ra hội đồng hòa giải/ trọng tài của Tổ chức Thẻ quốc tế và hội đồng hòa giải/ trọng tài của Tổ chức Thẻ quốc tế xử/ phán quyết KH thua kiện.

4.6 **Phí rút tiền mặt:** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch rút tiền tại ATM hoặc tại ĐVCNT được phép cung cấp dịch vụ rút tiền. Khoản phí này được tính trên số tiền giao dịch và số phí do TCTTT thu (nếu có) theo quy định của TCTTT.

4.7 **Phí giao dịch ngoại tệ (áp dụng cho các giao dịch khác VND):** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch bằng đồng ngoại tệ. Khoản phí này được tính trên số tiền giao dịch và số phí do TCTTT thu (nếu có) theo quy định của TCTTT

4.8 **Phí giao dịch nội tệ ở nước ngoài:**: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch bằng đồng nội tệ (VND) tại các đơn vị bán hàng có mã nước khác Việt Nam căn cứ trên thông tin mà ngân hàng thanh toán gửi về. Khoản phí này được tính trên số tiền giao dịch và số phí do TCTTT thu (nếu có) theo quy định của TCTTT.

4.9 **Phí thông báo Thẻ mất cắp, thất lạc:** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thông báo (bằng văn bản hoặc qua Tổng đài) về việc Thẻ bị mất cắp, thất lạc.

4.10 **Phí cấp bản sao Sao kê theo yêu cầu:** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cấp thêm bản sao Sao kê bằng văn bản ngoài bản chính mà Techcombank đã gửi cho Chủ thẻ hàng tháng.

4.11 **Phí cấp bản sao hoá đơn giao dịch:** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cấp bản sao hoá đơn giao dịch ngoài hoá đơn mà Chủ thẻ đã nhận tại ĐVCNT.

4.12 **Phí xác nhận thông tin Thẻ tín dụng theo yêu cầu (Xác nhận hạn mức tín dụng, xác nhận thông tin giao dịch...):** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu Techcombank xác nhận bằng văn bản các thông tin liên quan đến Thẻ tín dụng, Giao dịch thẻ tín dụng.

4.13 **Phí thay đổi Hạn mức tín dụng:** là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu tăng hoặc giảm Hạn mức tín dụng nhưng không thay đổi hạng Thẻ và được Techcombank chấp nhận.

4.14 **Phí thay đổi tài sản bảo đảm**: Là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu thay đổi TSBĐ và được Techcombank chấp nhận.

4.15 **Phí chậm thanh toán**: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu trước Ngày đến hạn thanh toán. Khoản phí này được tính trên phần Mức trả nợ tối thiểu chưa được thanh toán.

4.16 **Các loại phí khác** (nếu có) theo quy định của Techcombank và được công bố công khai tại trụ sở của Techcombank và/hoặc trên website của Techcombank.

4.17 **Tỷ giá quy đổi**: Các giao dịch thanh toán, hoàn trả qua thẻ tín dụng bằng đồng tiền ngoại tệ sẽ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá của Techcombank hoặc TCTQT tại ngày giao dịch hoặc ngày xử lý giao

dịch của TCTQT (nguyên tắc áp dụng tỷ giá có thể thay đổi theo quy định nội bộ của Techcombank trong từng thời kỳ).

Mức phí được áp dụng theo Biểu phí do Techcombank ban hành trong từng thời kỳ, được công bố công khai tại trụ sở của Techcombank và/hoặc trên website của Techcombank.

Thời gian từ khi thông báo và cung cấp thông tin về những loại phí nêu trên đến khi áp dụng các thay đổi về phí tối thiểu là 07 ngày.

5. LÃI SUẤT KHOẢN TÍN DỤNG VÀ CÁCH TÍNH LÃI

5.1. **Lãi suất khoản tín dụng:** Mức lãi suất của Thẻ tín dụng sẽ được Techcombank thông báo cho Khách hàng tại thời điểm phát hành thẻ. Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm); một năm là 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Lãi suất thẻ tín dụng có thể được Techcombank điều chỉnh khi các chính sách quản lý của Nhà nước, các quy định của pháp luật hoặc thị trường có sự thay đổi, biến động bất thường hoặc do đặc điểm của Sản phẩm thẻ tín dụng. Techcombank sẽ thông báo cho Chủ thẻ về mức lãi suất điều chỉnh, thời điểm áp dụng lãi suất điều chỉnh dưới hình thức văn bản hoặc thông điệp dữ liệu điện tử bao gồm nhưng không giới hạn bởi email, SMS, thông báo qua kênh ngân hàng điện tử,… theo quy định pháp luật, và được niêm yết tại trụ sở của Techcombank và/hoặc trên website của Techcombank. Mức lãi suất điều chỉnh có hiệu lực kể từ ngày được ghi rõ trong thông báo hoặc từ ngày Techcombank gửi thông báo (nếu không ghi rõ ngày hiệu lực trên thông báo). Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày Techcombank thông báo về việc điều chỉnh lãi suất, nếu Chủ thẻ không đồng ý với lãi suất điều chỉnh, Chủ thẻ có trách nhiệm thông báo với Techcombank để thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ này.

5.2. **Cách tính lãi:**

5.2.1 Đối với phần dư nợ phải trả lãi (theo quy định tại mục 5.3 dưới đây), tiền lãi được tính trên dư nợ thực tế của Chủ thẻ và thời gian phát sinh dư nợ thực tế (từ ngày phát sinh giao dịch đến hết ngày liền kề trước ngày Chủ thẻ hoàn trả hết nợ). Tiền lãi được tính theo ngày, được cộng dồn và ghi nợ vào Ngày sao kê. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời gian phát sinh dư nợ thực tế (thời hạn tính lãi).

5.2.3 Công thức tính lãi: Số tiền lãi của từng Kỳ sao kê được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Dư nợ thực tế} \times \text{Thời gian phát sinh dư nợ thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

5.3. **Các quy định về miễn lãi/thu lãi đối với từng loại giao dịch**:

Tùy từng loại thẻ tín dụng, Techcombank sẽ có những cơ chế miễn lãi/thu lãi khác nhau.

5.3.1.Với thẻ tín dụng DreamCard:

Techcombank sẽ thu lãi cho các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ và giao dịch rút tiền mặt ngay khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch bằng thẻ tín dụng DreamCard.

5.3.2.Với các loại thẻ tín dụng khác:

5.3.2.1. Đối với giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ/giao dịch thu phí/giao dịch thu lãi:

a. Chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán trước giờ Cut-off, nếu Chủ thẻ thanh toán thành công toàn bộ Dư nợ cuối kỳ được thông báo trên Sao kê thì Techcombank sẽ miễn lãi cho toàn bộ giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ/Giao dịch thu phí/Giao dịch thu lãi phát sinh trong Kỳ sao kê của Chủ thẻ.

b. Chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán trước giờ Cut-off, nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ Dư nợ cuối kỳ, Techcombank sẽ tính lãi đối với toàn bộ dư nợ của các giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ/giao dịch thu phí/giao dịch thu lãi phát sinh trong Kỳ sao kê của Chủ thẻ theo nguyên tắc quy định tại mục 5.2 của Điều khoản, điều kiện này.

5.3.2.2. Đối với giao dịch rút tiền mặt:

Dư nợ của giao dịch rút tiền mặt sẽ bị tính lãi theo nguyên tắc quy định ở mục 5.2 của Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này.

5.3.3.Đối với các giao dịch có tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ:

Lãi và phí của các giao dịch tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ phát sinh và chưa được Techcombank hoàn trả trong Kỳ sao kê cũng được tính theo nguyên tắc được quy định tại mục 5.1, 5.2 và 5.3. Techcombank sẽ hoàn lại cho Chủ thẻ các khoản lãi/phí phát sinh đối với những giao dịch tra soát, khiếu nại đúng.

6. THANH TOÁN NỢ

6.1. **Thứ tự thanh toán nợ:** Dư nợ sẽ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên dưới đây và theo thứ tự thời gian giao dịch được cập nhật vào hệ thống: (1) Các khoản lãi và phí; (2) Các khoản giao dịch rút tiền mặt; (3) Các khoản trả góp định kỳ; (4) Các khoản giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

6.2. **Thanh toán nợ:**

6.2.1 Techcombank quy định Ngày sao kê đối với mỗi loại thẻ tín dụng cụ thể. Nếu Ngày sao kê trùng với ngày thứ 7, chủ nhật hoặc ngày lễ thì Ngày sao kê sẽ được chuyển lên trước đó 02 ngày làm việc.

6.2.2 Sau Ngày sao kê, Techcombank sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong Kỳ sao kê đã được cập nhật trên hệ thống của Techcombank. Các giao dịch ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá của Techcombank hoặc TCTQT tại ngày giao dịch hoặc ngày xử lý giao dịch của TCTQT (nguyên tắc áp dụng tỷ giá có thể thay đổi theo quy định nội bộ của Techcombank trong từng thời kỳ). Techcombank sẽ thu (các) phí phát sinh theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

6.2.3 Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Techcombank tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên Sao kê, mức ít nhất bằng Mức trả nợ tối thiểu. Chủ thẻ phải gửi thắc mắc của mình liên quan đến các giao dịch trên Sao kê bằng văn bản cho Techcombank trong vòng 10 ngày kể từ ngày Ngân hàng gửi Sao kê. Nếu trong thời hạn đó, Techcombank không nhận được thông báo của Chủ thẻ thì coi như Chủ thẻ đồng ý thanh toán tất cả các giao dịch, phí và lãi phát sinh thể hiện trên Sao kê.

6.2.4 Việc thanh toán nợ của Chủ thẻ chỉ được tính là thành công khi hệ thống của Techcombank ghi nhận được giao dịch của Chủ Thẻ (Techcombank nhận được báo có với số tiền thực báo có). Số tiền thanh toán nhận được sau giờ Cut-off của Techcombank sẽ được tính sang ngày làm việc kế tiếp. HMTD của Chủ thẻ sẽ được khôi phục bằng đúng số tiền Chủ thẻ đã thanh toán vào ngày làm việc tiếp theo.

6.2.5 Trường hợp Chủ thẻ đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do Techcombank quy định, Chủ thẻ ủy quyền cho Techcombank tự động ghi nợ, trích tiền từ Tài khoản thanh toán đã đăng ký của Chủ thẻ mở tại Techcombank để thanh toán giá trị dư nợ theo đăng ký trích nợ tự động của Chủ thẻ. Chủ thẻ phải đảm bảo Tài khoản đăng ký này luôn đủ số dư cần thiết để Techcombank ghi nợ và trích tiền trong khoảng thời gian từ ngày sau Ngày sao kê đến Ngày đến hạn thanh toán.

Techcombank được quyền trích nợ tự động toàn bộ giá trị dư nợ mà Chủ thẻ đã đăng ký từ Tài khoản đăng ký vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt khoảng thời gian từ sau Ngày sao kê đến hết Ngày đến hạn thanh toán. Nếu trong khoảng thời gian này số dư trong Tài khoản đăng ký không đủ để Techcombank trích nợ giá trị dư nợ theo đăng ký của Chủ thẻ với Techcombank, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho Techcombank phần giá trị dư nợ còn thiếu và phải chịu các khoản phí, lãi phát sinh (nếu có).

6.2.6 Trường hợp thẻ tín dụng được cấp hạn mức theo diện cho KH cá nhân trả lương tại Techcombank, nếu KH có đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do Techcombank quy định và được nhận lương trước Ngày sao kê, Chủ thẻ đồng ý ủy quyền cho Techcombank tạm khóa một phần tài khoản thanh toán (tài khoản nhận lương) mà Chủ thẻ đăng ký trích nợ tự động, số tiền bằng Mức trả nợ tối thiểu hoặc bằng số dư nợ sao kê tùy thuộc vào giá trị đăng ký trích nợ tự động của KH tại Techcombank. Số tiền đã được Techcombank thực hiện trích nợ sẽ được giải tỏa trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc sau Ngày đến hạn thanh toán tại kỳ sao kê đó.

6.2.7 Trường hợp Chủ thẻ được phát hành thẻ tín dụng theo diện khách hàng cá nhân trả lương tại Techcombank và có đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do Techcombank quy định, Techcombank có quyền thay đổi tài khoản trích nợ của Chủ thẻ nếu phát hiện tài khoản đăng ký trích nợ không phải là tài khoản Chủ thẻ nhận được thu nhập định kỳ từ đơn vị trả lương cho Chủ thẻ.

7. CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, ÁP LÃI SUẤT QUÁ HẠN VÀ THU HỒI NỢ

7.1. **Chuyển nợ quá hạn**

Sau 01 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu, toàn bộ dư nợ chưa thanh toán sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn.

7.2. **Áp dụng lãi suất quá hạn**

Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu của ba Kỳ sao kê liên tiếp thì Techcombank được quyền áp dụng lãi suất quá hạn trên toàn bộ tổng dư nợ chưa thanh toán của Thẻ tín dụng từ Kỳ sao kê thứ tư. Lãi suất quá hạn do Techcombank ban hành và được thay đổi theo từng thời kỳ, được công bố công khai tại trụ sở của Techcombank và/hoặc trên website của Techcombank.

7.3. **Thu hồi nợ**

7.3.1 Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu vào ngày đến hạn thanh toán và phát sinh các dấu hiệu theo đánh giá của Techcombank là suy giảm khả năng trả nợ, Techcombank được quyền xem xét việc khóa Thẻ tạm thời. Techcombank sẽ chấm dứt việc khóa Thẻ tạm thời khi Chủ thẻ thanh toán ít nhất Mức trả nợ tối thiểu chưa thanh toán.

7.3.2 Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu muộn nhất vào Ngày đến hạn thanh toán của Kỳ sao kê liền sau Kỳ sao kê chưa thanh toán, Techcombank được quyền xem xét việc khóa Thẻ tạm thời. Techcombank sẽ chấm dứt việc khóa Thẻ tạm thời khi Chủ thẻ thanh toán ít nhất Mức trả nợ tối thiểu chưa thanh toán.

7.3.3 Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu muộn nhất vào Ngày đến hạn thanh toán của Kỳ sao kê thứ hai liền sau Kỳ sao kê chưa thanh toán, Techcombank được quyền khóa Thẻ vĩnh viễn, chấm dứt việc cung cấp dịch vụ Thẻ, thực hiện thu hồi Thẻ; tiến hành các thủ tục thu hồi nợ và xử lý TSBĐ.

7.3.4 Trong trường hợp dư nợ thẻ tín dụng bị chuyển sang nợ quá hạn, Chủ thẻ đồng ý cho Techcombank được quyền trích nợ/tất toán các tài khoản (bao gồm cả tài khoản thanh toán chung), các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Chủ thẻ tại Techcombank để thu nợ theo các phương thức mà Techcombank lựa chọn mà không cần thêm bất cứ chấp thuận nào từ phía Chủ thẻ. Trong trường hợp trích nợ/tất toán các khoản tiền gửi (sổ/thẻ tiết kiệm, Hợp đồng tiền gửi) của Chủ thẻ để thanh toán các khoản dư nợ, Techcombank được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước hạn kỳ hạn gửi tiền của Chủ thẻ.

7.3.5 Chủ thẻ phải thanh toán chi phí phát sinh liên quan đến việc Techcombank thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ như phí luật sư, án phí, phí xử lý TSBĐ, chi phí đi lại, thông tin liên lạc, sao, chụp, công chứng, dịch thuật tài liệu, chuẩn bị tài liệu tố tụng, phí thi hành án mà không cần chứng từ chứng minh.

7.3.6 Khi hết Thời hạn hiệu lực thẻ, nếu Chủ thẻ chưa thanh toán hết toàn bộ dư nợ, Techcombank được quyền tiến hành các thủ tục thu hồi nợ, xử lý TSBĐ.

7.3.7 Chủ thẻ đồng ý cho Techcombank được quyền thu nợ từ các nguồn lương, thu nhập của Chủ thẻ hay từ cơ quan, đơn vị công tác hay bất cứ tài sản nào khác của Chủ thẻ hoặc TSBĐ của các khoản vay khác của Chủ thẻ tại Techcombank mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ. Việc xử lý tài sản để thu nợ sẽ được thực hiện theo quy định của Techcombank và quy định của pháp luật. Techcombank được quyền lập Ủy nhiệm thu yêu cầu các ngân hàng mở tài khoản cho Chủ thẻ trích tiền để thu hồi nợ gốc, lãi trong trường hợp các khoản nợ gốc, nợ lãi của Chủ thẻ bị chuyển sang Nợ quá hạn, Nợ lãi quá hạn.

7.3.8 Chủ thẻ đồng ý rằng nếu Chủ thẻ phát sinh thông tin/sự kiện thuộc các trường hợp Techcombank được quyền tạm khóa thẻ theo quy định tại Điều 9.2.1 (s) Điều khoản, Điều kiện này, Techcombank được quyền thực hiện các hành động cần thiết để thu hồi nợ theo quy định tại Điều khoản, điều kiện này mà không cần thông báo cho Chủ thẻ. Trong trường hợp này, Chủ thẻ đồng ý cho Techcombank được thực hiện các hành động theo

quy định tại Điều 7.3.4, Điều 7.3.7 và các quy định khác tại Điều khoản, điều kiện này để thu hồi nợ cho đến khi thu hồi đầy đủ dư nợ chưa thanh toán của Chủ thẻ.

7.3.9 Dư nợ chưa thanh toán của Chủ thẻ được hiểu bao gồm số tiền giao dịch gốc, tiền lãi và phí phát sinh liên quan.

8. CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG

8.1 Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản giao dịch trước thời điểm Thẻ bị chấm dứt sử dụng và các khoản phát sinh (nếu có) chưa được cập nhật trên Tài khoản thẻ theo thông báo của Techcombank. Techcombank sẽ chỉ thực hiện giải chấp TSBĐ (nếu có) sau ít nhất là 40 ngày kể từ ngày yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ thẻ có hiệu lực và Chủ thẻ đã thanh toán mọi nghĩa vụ được bảo đảm bằng TSBĐ với Techcombank.

8.2 Khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Techcombank, Chủ thẻ có trách nhiệm gửi trả lại Thẻ cho Techcombank đồng thời phải gửi thông báo bằng văn bản cho Techcombank hoặc gọi điện lên tổng đài của Techcombank thông báo việc khóa thẻ. Việc chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Techcombank có hiệu lực khi Chủ thẻ thanh toán toàn bộ Dư nợ; và các tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ (nếu có) đã được giải quyết xong.

8.3 Khi chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo yêu cầu của Techcombank hay theo yêu cầu của Chủ thẻ thì toàn bộ Dư nợ sẽ đến hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh tới thời điểm đó. Nếu Chủ thẻ đã chấm dứt sử dụng Thẻ nhưng vẫn tiếp tục sử dụng Thẻ để giao dịch thì Chủ thẻ vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch này và các khoản lãi, phí phát sinh theo quy định của Techcombank.

8.4 Techcombank được quyền chấm dứt việc cung cấp dịch vụ Thẻ và/hoặc chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Chủ thẻ trong những trường hợp sau:

a. Các trường hợp theo quy định tại mục 7.3.1 và 7.3.2 của Điều khoản, điều kiện này;

b. Chủ thẻ đã chi tiêu vượt HMTD mà không được Techcombank cho phép;

c. Chủ thẻ vi phạm các quy định về việc phát hành và sử dụng Thẻ của Techcombank, vi phạm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng hoặc vi phạm các quy định của pháp luật;

d. Techcombank phát hiện tài liệu, thông tin do Chủ thẻ cung cấp là không chính xác, không trung thực, sai sự thật;

e. Chủ thẻ không cung cấp thông tin theo yêu cầu hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ theo thời hạn Techcombank yêu cầu cung cấp thông tin;

f. Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác phát sinh) với Techcombank và/hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào khác;

g. Chủ thẻ liên quan đến các vụ kiện, vụ án mà theo quan điểm của Techcombank thì có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của Chủ thẻ;

h. Chủ thẻ bị bắt, khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để chấp hành bản án hình sự;

i. Chủ thẻ chết, mất tích;

j. Chủ thẻ ly hôn hoặc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân;

k. Phần lớn tài sản của Chủ thẻ bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ;

l. TSBĐ của Chủ thẻ bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị so với giá trị TSBĐ được định giá tại thời điểm cấp hạn mức theo định giá của Techcombank/bên thứ ba;

m. Các trường hợp liên quan đến nghỉ việc, thay đổi thu nhập hoặc không đáp ứng điều kiện sử dụng Thẻ theo quy định của Techcombank;

n. Các trường hợp liên quan đến giả mạo và quản lý rủi ro (bao gồm thẻ có dấu hiệu bị gian lận hoặc vi phạm pháp luật hoặc các trường hợp khác theo đánh giá của Techcombank, thẻ bị mất hoặc được sử dụng không đúng mục đích, giao dịch khống hoặc vi phạm chính sách hay quy định của Ngân hàng)

o. Giao dịch liên quan đến hoạt động bất hợp pháp, bao gồm nhưng không giới hạn hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố, buôn người và tham nhũng, hối lộ…;

p. Các sự kiện khác mà theo đánh giá, xem xét của Techcombank là có khả năng ảnh hưởng tới khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện: không liên lạc được với khách hàng, khách hàng có nợ cần chú ý hoặc mức cao hơn tại các tổ chức tín dụng khác (nợ quá hạn…)

q. Đối với thẻ tín dụng liên kết, Techcombank có quyền chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thẻ khi Chủ thẻ chính thẻ tín dụng liên kết chấm dứt/bị chấm dứt tư cách Hội viên hoặc khi chương trình hợp tác giữa Techcombank và Đối tác chấm dứt/hết hiệu lực hoặc trong các trường hợp khác theo quy định tại thỏa thuận giữa Techcombank và Đối tác trong từng thời kỳ;

r. Chủ thẻ có yêu cầu khóa Thẻ vĩnh viễn, đã tất toán hết dư nợ thẻ tín dụng và không có yêu cầu phát hành lại thẻ trong vòng 90 ngày kể từ ngày hủy Thẻ;

s. Chủ thẻ không thực hiện kích hoạt Thẻ trong vòng 75 ngày kể từ ngày phát hành Thẻ;

t. Mở hộ tài khoản/ thẻ hoặc mở thuê tài khoản/ thẻ cho người khác sử dụng;

u. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng phát hành thẻ, thanh toán thẻ để phục vụ các hoạt động trái pháp luật, hoạt động liên quan đến lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật, trục lợi chính sách và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

v. Các trường hợp khác theo quy định của Techcombank và pháp luật.

8.5 Đối với các Chủ thẻ đang có khoản vay khác có TSBĐ tại Techcombank:

a. Khi Chủ thẻ tất toán khoản vay có TSBĐ trước khi Thẻ tín dụng hết hạn, Techcombank sẽ thực hiện khóa thẻ tín dụng của Chủ thẻ và Chủ thẻ phải thực hiện tất toán dư nợ thẻ tín dụng trước khi tất toán khoản vay có TSBĐ.

b. Nếu khoản vay có TSBĐ của Chủ thẻ quá hạn từ 90 ngày trở lên, Thẻ tín dụng của Chủ thẻ sẽ bị khóa vĩnh viễn và Chủ thẻ phải thực hiện tất toán dư nợ thẻ tín dụng.

9. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

9.1. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THẺ

9.1.1. Quyền của Chủ thẻ

Chủ thẻ có các quyền sau:

a. Được sử dụng Thẻ theo quy định tại mục 3 Điều khoản, điều kiện này trong phạm vi HMTD được cấp.

b. Được quyền yêu cầu Techcombank cung cấp thông tin định kỳ hoặc được cung cấp thông tin đột xuất về Giao dịch thẻ và số dư, hạn mức liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của Techcombank.

c. Chủ thẻ có quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại về các sai sót, vi phạm (nếu có) phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật.

d. Các quyền khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện này, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân và các quy định có liên quan của pháp luật.

9.1.2. Trách nhiệm của Chủ thẻ

Ngoài các trách nhiệm quy định tại các điều khoản khác của Điều khoản, điều kiện này, Chủ thẻ có các trách nhiệm sau:

a. Cung cấp đầy đủ, chính xác các hồ sơ, giấy tờ và thông tin cần thiết theo yêu cầu của Techcombank khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ.

b. Sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng theo đúng mục đích thanh toán hàng hoá, dịch vụ, rút tiền mặt hoặc thực hiện các giao dịch được phép khác. Chủ thẻ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng tiền theo hạn mức Thẻ tín dụng không đúng mục đích.

c. Trực tiếp đến Techcombank nhận Thẻ hoặc đề nghị Techcombank gửi Thẻ bằng đường bưu điện đến địa chỉ Chủ thẻ đã đăng ký với Techcombank trên Đơn đề nghị hoặc đến địa chỉ Chủ thẻ yêu cầu (chỉ áp dụng với

một số trường hợp đặc biệt theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ) hoặc uỷ quyền cho người khác đến nhận Thẻ. Giấy uỷ quyền được lập bằng văn bản trực tiếp tại Techcombank hoặc phải được công chứng, chứng thực. Trường hợp ủy quyền cho người khác nhận/kích hoạt Thẻ hoặc đăng ký nhận Thẻ qua đường bưu điện, Chủ thẻ phải chịu mọi rủi ro có thể phát sinh, trừ trường hợp do lỗi của Techcombank. Trường hợp nhận Thẻ qua đường bưu điện hoặc ủy quyền cho người khác nhận Thẻ, Chủ thẻ phải gọi điện về Techcombank để xác nhận nhận Thẻ và đề nghị kích hoạt qua số Tổng đài do Techcombank cung cấp trong phong bì trả Thẻ hoặc Chủ thẻ trực tiếp đến Chi nhánh/Phòng giao dịch của Techcombank hoặc trực tiếp đăng ký qua Techcombank Online Banking/ Techcombank Mobile để đề nghị kích hoạt Thẻ.

Trường hợp Chủ thẻ đăng ký nhận PIN qua các kênh dịch vụ Ngân hàng điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn qua tin nhắn SMS gửi tới số điện thoại di động Chủ thẻ đăng ký với Techcombank hoặc qua dịch vụ Techcombank Online Banking/ Techcombank Mobile mà Chủ thẻ tham gia thì Chủ thẻ sẽ nhận PIN sau khi Thẻ được kích hoạt thành công theo các thao tác sau đây :

Mã PIN lần đầu của chủ thẻ có hiệu lực trong thời gian ngắn, được thể hiện trong nội dung SMS mà Techcombank gửi cho chủ thẻ, hoặc thông báo trên màn hình Techcombank Online Banking/ Techcombank Mobile...chủ thẻ có trách nhiệm bảo mật thông tin và thực hiện đổi mã PIN mới tại các ATM của Techcombank sau khi nhận được mã PIN lần đầu trước khi PIN hết hạn hiệu lực theo quy định của Techcombank.

Trường hợp KH kích hoạt thẻ thông qua ứng dụng Ngân hàng điện tử, sau khi khách hàng kích hoạt thẻ thành công hệ thống hiển thị màn hình cho phép khách hàng nhập tạo mã PIN và xác nhận PIN mới được tạo (yêu cầu khách hàng nhập 2 lần, mã PIN lần 2 phải trùng với mã PIN lần 1), sau khi khách hàng hoàn thành tạo mã PIN hệ thống thực hiện setup PIN cho thẻ và hiển thị màn hình chúc mừng khách hàng đã Setup thẻ thành công. Mã PIN do Chủ thẻ khởi tạo được sử dụng trong các giao dịch thẻ, Chủ thẻ không bắt buộc cần đổi mã PIN mới tại các ATM của Techcombank sau khi khởi tạo mã PIN lần đầu và có trách nhiệm bảo mật thông tin mã PIN.

d. Trong vòng 75 ngày kể từ ngày phát hành Thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm kích hoạt Thẻ. Sau thời hạn này, Thẻ không được kích hoạt sẽ bị huỷ và Chủ thẻ phải chịu khoản phí phát hành và phí thường niên cho năm đầu tiên kể từ ngày phát hành Thẻ.

e. Chủ thẻ kích hoạt thẻ qua Techcombank Online Banking/ Techcombank Mobile/ gọi điện tới Techcombank từ chính số điện thoại di động Chủ thẻ đã đăng ký với Techcombank để đề nghị kích hoạt Thẻ. Chủ thẻ có trách nhiệm chịu mọi rủi ro có thể phát sinh.

f. Chủ thẻ chịu trách nhiệm quản lý Thẻ và bảo mật PIN. Chủ thẻ không được chuyển nhượng Thẻ hoặc đưa Thẻ cho người khác sử dụng, không được tiết lộ PIN cho bất kỳ ai.

g. Ký chữ ký mẫu vào ô chữ ký ở mặt sau Thẻ ngay sau khi nhận Thẻ.

h. Thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho Techcombank khi Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng theo số điện thoại: (84-24) 39446699/(84-24) 39449626/1800588822/1800588823 v.v... hoặc số điện thoại đường dây nóng khác của Techcombank được đăng tải trên website của Techcombank tại từng thời điểm, hoặc bất kỳ CN/PGD của Techcombank gần nhất. Chủ thẻ phải xác nhận lại thông báo của mình bằng văn bản gửi cho Techcombank (nếu trước đó thông báo bằng các hình thức khác), đồng thời thanh toán các khoản phí theo quy định của Techcombank.

i. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Techcombank các khoản nợ gốc, lãi và phí phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo Sao kê do Techcombank lập và gửi cho Chủ thẻ. Trong trường hợp Chủ thẻ có thực hiện Giao dịch thẻ nhưng không nhận được hoặc nhận được Sao kê chậm, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ gốc, lãi và phí phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo quy định sau khi Techcombank đưa ra các bằng chứng về việc đã gửi Sao kê cho Chủ thẻ.

j. Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho Techcombank theo yêu cầu của Techcombank đối với các khoản mà Chủ thẻ rút thừa, rút/thanh toán quá HMTD, giao dịch ghi có nhầm vào Tài khoản của Chủ thẻ, giao dịch tra soát khiếu nại tại ATM và ĐVCNT đã được tạm ứng cho Chủ thẻ và các giao dịch nhầm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. Chủ thẻ đồng ý để Techcombank tự động ghi nợ, tạm khóa và trích tiền trên các tài khoản thanh toán/tiền gửi của Chủ thẻ mở tại Techcombank để thu hồi các khoản tiền này mà không cần thông báo cho Chủ thẻ.

k. Không sử dụng lại Thẻ mà Chủ thẻ đã thông báo cho Techcombank là bị mất cắp, thất lạc.

l. Không được sử dụng Thẻ để trả cho cho những khoản thanh toán giao dịch cờ bạc trái phép hoặc các giao dịch bất hợp pháp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

m. Hoàn trả lại Thẻ cho Techcombank khi: tìm lại được Thẻ đã báo mất cắp, thất lạc trước đó; khi Thẻ hết hạn sử dụng; khi Chủ thẻ không có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ; và các trường hợp khác theo yêu cầu của Techcombank.

n. Công nhận các hoá đơn, chứng từ liên quan đến Giao dịch thẻ đã được hệ thống Techcombank ghi nhận và cung cấp. Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán đối với toàn bộ các giao dịch có chữ ký và/hoặc sử dụng PIN của Thẻ và các giao dịch khác nếu Techcombank cung cấp được bằng chứng về việc Thẻ được thực hiện giao dịch mà không cần chữ ký của Chủ thẻ.

o. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm với Techcombank về việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ.

p. Chịu trách nhiệm giải quyết các mâu thuẫn với ĐVCNT về các vấn đề liên quan đến Giao dịch thẻ mà không trì hoãn việc thanh toán vào Ngày đến hạn thanh toán.

q. Sử dụng Thẻ trong HMTD được Techcombank cấp (chưa bao gồm phí, lãi phát sinh), trừ trường hợp Techcombank đồng ý cho Chủ thẻ sử dụng vượt hạn mức và Chủ thẻ phải có trách nhiệm trả phí theo quy định của Techcombank khi sử dụng Thẻ quá HMTD được cấp.

r. Thanh toán số tiền Giao dịch thẻ tranh chấp và các khoản phí phát sinh theo quy định của TCTQT khi tranh chấp được đưa ra Trọng tài Quốc tế và Trọng tài Quốc tế xử Chủ thẻ thua kiện.

s. Thông báo ngay cho Techcombank bằng văn bản những thay đổi về các thông tin đã cung cấp tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách hàng cá nhân hoặc các thông tin khác theo yêu cầu của Techcombank.

t. Tuân thủ các quy định, chính sách hiện hành của Techcombank liên quan đến việc cấp tín dụng và trong trường hợp các quy định, chính sách này có thay đổi, Chủ thẻ cam kết sẽ thực hiện theo đúng các quy định, chính sách đã được thay đổi đó đúng thời hạn theo thông báo của Techcombank.

u. Thực hiện tất toán toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng được cấp dựa trên khoản vay có TSBĐ (nếu có) trong trường hợp Chủ thẻ thực hiện tất toán khoản vay có TSBĐ và xuất kho TSBĐ cuối cùng của Chủ thẻ tại Techcombank.

v. Chủ thẻ đồng ý rằng các yêu cầu về tra soát khiếu nại với dịch vụ Thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm thực hiện yêu cầu (nếu có) bằng văn bản trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao dịch phát sinh hoặc kể từ ngày quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ bị vi phạm theo một trong các phương thức sau: (i) qua tổng đài điện thoại (có ghi âm, hoạt động 24/24 giờ trong ngày, 7/7 ngày trong tuần) hoặc bằng văn bản tại các điểm giao dịch của Techcombank. Trường hợp Chủ thẻ gửi yêu cầu tra soát, khiếu nại qua tổng đài của Techcombank, hoặc kênh trực tuyến, TCPHT yêu cầu chủ thẻ cung cấp các thông tin cần thiết để xác minh khách hàng, Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, chủ thẻ thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền. Techcombank sẽ từ chối tiếp nhận các yêu cầu tra soát khiếu nại nếu trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch Chủ thẻ không gửi yêu cầu tra soát cho Techcombank.

w. Với các trường hợp khách hàng không thực hiện đúng các khuyến nghị của Techcombank về đảm bảo an toàn thẻ, khách hàng sẽ phải chịu trách nhiệm về mọi rủi ro (nếu có phát sinh)

x. Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

9.2. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TECHCOMBANK

9.2.1. Quyền của Techcombank

Ngoài các quyền khác quy định tại Điều khoản, điều kiện này, Techcombank có các quyền sau:

a. Techcombank được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin… bị trục trặc, hoặc vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của Techcombank

b. Từ chối cấp phép các Giao dịch thẻ không hợp pháp, hợp lệ theo quy định của Techcombank và pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của Techcombank.

c. Yêu cầu Chủ thẻ cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu cần thiết khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ.

d. Techcombank có quyền từ chối xử lý hoặc thanh toán Giao dịch thẻ trong các trường hợp sau :

(i) Sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ bị cấm theo quy định của Techcombank và pháp luật;

(ii) Thẻ đã được Chủ thẻ thông báo bị mất cắp, thất lạc;

(iii) Thẻ hết hạn sử dụng;

(iv) Thẻ bị khóa;

(v) Hạn mức tín dụng còn lại (nếu có) không đủ chi trả khoản thanh toán, rút tiền;

(vi) Chủ thẻ vi phạm các quy định tại Điều khoản, điều kiện này hoặc các thỏa thuận giữa Chủ thẻ với Techcombank mà theo đó Thẻ bị từ chối thanh toán;

(vii) Thẻ giả hoặc có liên quan đến giao dịch giả mạo;

(viii) Thẻ bị chấm dứt sử dụng theo quy định tại mục 8.4, Điều 8 của Điều khoản, điều kiện này.

e. Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân được phép khác thông tin về Chủ thẻ, số PIN, Sao kê và các Giao dịch thẻ theo đúng quy định của pháp luật; cung cấp các thông tin Giao dịch thẻ của Chủ thẻ qua Tổng đài khi người yêu cầu cung cấp thông tin khai báo đúng thông tin Chủ thẻ đã đăng ký tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách hàng cá nhân.

f. Được quyền chủ động tăng hoặc giảm HMTD và/hoặc thay đổi hạng Thẻ của Chủ thẻ theo quy định của Techcombank.

g. Được quyền khoá Thẻ/tính năng trên Thẻ khi nhận được thông báo Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc Ngân hàng có nghi ngờ Thẻ/thông tin Thẻ đang bị lợi dụng theo số điện thoại/địa chỉ email đã thỏa thuận tại Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này và các cuộc điện thoại từ Techcombank qua hotline: (84-24) 39446699/(84-24) 39449626/1800588822/1800588823.

h. Thu hồi Thẻ vào bất cứ lúc nào bằng cách thông báo về việc thu hồi này cho Chủ thẻ hoặc thông qua các TCTTT hoặc ĐVCNT trong các trường hợp Chủ thẻ vi phạm quy định của pháp luật, của Techcombank, của TCTQT hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Điều khoản, điều kiện này, hoặc các trường hợp nghi ngờ thẻ giả, giả mạo. Trong trường hợp này, Techcombank được miễn trách đối với bất kỳ sự phương hại nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc thu hồi lại Thẻ.

i. Ghi nợ Tài khoản giá trị tất cả các Giao dịch thẻ, các khoản phí và lãi phát sinh liên quan việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ theo biểu phí được Techcombank quy định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Điều khoản, điều kiện này.

j. Yêu cầu Chủ thẻ thanh toán các khoản Giao dịch thẻ và các khoản lãi, phí phát sinh liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ.

k. Techcombank không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ trường hợp nào Thẻ bị ĐVCNT từ chối. Đồng thời không chịu trách nhiệm về việc cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ và được quyền ghi nợ

vào tài khoản giá trị các giao dịch đã thanh toán bằng Thẻ cho dù hàng hoá, dịch vụ có được giao, nhận hoặc được thực hiện hay không.

l. Được quyền yêu cầu Chủ thẻ sử dụng mọi tài sản và nguồn thu của cá nhân và gia đình Chủ thẻ; Yêu cầu bên nắm giữ tài sản của Chủ thẻ, gia đình Chủ thẻ, các thành viên Chủ thẻ chuyển giao cho Techcombank để thanh toán, hoàn trả các khoản nợ gốc, lãi và phí, cho phí khác phát sinh của Chủ thẻ; Được quyền ghi âm lại tất cả những trao đổi của Chủ thẻ qua điện thoại và/hoặc bất kỳ các thông tin bằng lời nói giữa Chủ thẻ và Techcombank trong quá trình sử dụng Thẻ.

m. Được quyền sử dụng TSBĐ của các khoản vay khác của Chủ thẻ tại Techcombank để thu nợ cho khoản vay Thẻ tín dụng khi dư nợ thẻ tín dụng của Chủ thẻ chuyển thành nợ quá hạn.

n. Thu thập thông tin từ các tổ chức khác về Chủ thẻ. Thông tin của Chủ thẻ/Người có liên quan có thể được thu thập thông qua các dữ liệu Chủ thẻ cung cấp, thông qua các yêu cầu của TCB với Chủ thẻ.

o. Được quyền liên hệ với vợ/chồng/người tham chiếu của Chủ thẻ mà chủ thẻ đã điền trên Đơn đề nghị phát hành thẻ trong trường hợp cần thiết.

p. Trong trường hợp phát hành Thẻ tín dụng liên kết, Techcombank được quyền cung cấp thông tin của Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thông tin cá nhân, thông tin phát hành Thẻ, thông tin Giao dịch thẻ của Chủ thẻ, v.v…) cho Đối tác để phục vụ cho việc cung cấp giá trị gia tăng cho Chủ thẻ theo chương trình của Đối tác.

q. Được quyền sử dụng các thông tin mới nhất mà Chủ thẻ khai báo để cập nhật cho tất cả các dịch vụ đăng ký tại Techcombank.

r. Được quyền khóa tạm thời Thẻ tín dụng của Chủ thẻ cho đến khi Chủ thẻ nộp hồ sơ mở Thẻ theo đúng quy định của Techcombank trong từng thời kỳ trong trường hợp Chủ thẻ thực hiện tất toán khoản vay có TSBĐ và xuất kho TSBĐ cuối cùng tại Techcombank.

s. Được quyền chủ động tạm khóa Thẻ tín dụng của Chủ thẻ các trường hợp: (i) liên quan đến giả mạo và quản lý rủi ro (bao gồm thẻ có dấu hiệu bị gian lận hoặc vi phạm pháp luật hoặc các trường hợp khác theo đánh giá của Techcombank, thẻ bị mất hoặc được sử dụng không đúng mục đích, giao dịch khống hoặc vi phạm chính sách hay quy định của Ngân hàng); và (ii) theo đánh giá, xem xét của Techcombank là có khả năng ảnh hưởng tới khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện: không liên lạc được với khách hàng, khách hàng từ chối thanh toán, khách hàng có nợ cần chú ý hoặc mức cao hơn tại các tổ chức tín dụng khác (nợ quá hạn…); và (iii) Các giao dịch mà Techcombank nhận thấy việc mở Tài khoản thanh toán/ thẻ tín dụng để phục vụ các giao dịch này có nguy cơ khiến Techcombank phải chịu trách nhiệm trước một tổ chức, cơ quan có thẩm quyền hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến uy tín của Techcombank.

t. Techcombank có quyền chủ động hủy thẻ của khách hàng nếu khách hàng không nhận thẻ/ bên giao thẻ không thể liên lạc với khách hàng để giao thẻ/ thẻ giao phát không thành công và được hoàn về bởi đối tác giao phát thẻ của Techcombank.

u. Đối với Thẻ tín dụng phát hành theo diện cho khách hàng cá nhân trả lương tại Techcombank, Techcombank có quyền khóa/tạm khóa Thẻ tín dụng của Chủ thẻ và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay trong trường hợp đơn vị trả lương của Chủ thẻ có các dấu hiệu theo đánh giá của Techcombank có thể ảnh hưởng tới nguồn thu nhập và khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Chủ thẻ (chậm trả lương, lịch sử tín dụng không bảo đảm, ngừng chi lương qua Techcombank, sản xuất kinh doanh gặp khó khăn….)

v. Được quyền chủ động tạm dừng giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử với các khách hàng chưa hoàn thành đối chiếu thông tin sinh trắc học theo quy định tại Thông tư 18/2024/TT- NHNN.

w. Được quyền chủ động tạm dừng giao dịch thẻ với các khách hàng có giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của Khách hàng hết hiệu lực

x. Các quyền khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

9.2.2.Trách nhiệm của Techcombank

Techcombank có các trách nhiệm sau:

a. Tuân thủ các quy định về Phát hành, Thanh toán Thẻ của pháp luật Việt Nam và TCTQT.

b. Bảo mật các thông tin liên quan đến Chủ thẻ theo quy định của pháp luật và chỉ cung cấp các thông tin này trong những trường hợp theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với Chủ thẻ.

c. Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật và các TCTQT.

d. Khoá Thẻ trong vòng 2 giờ làm việc kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản hoặc bằng cuộc gọi đến tổng đài Techcombank của Chủ thẻ về việc Thẻ bị thất lạc, mất cắp hoặc lộ PIN.

e. Techcombank sẽ chịu trách nhiệm về các giao dịch liên quan tới Thẻ đã được Chủ thẻ thông báo về việc mất cắp, thất lạc Thẻ sau 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ thẻ.

f. Đối với tiền ký quỹ để tăng HMTD tạm thời, Techcombank sẽ giải tỏa tiền ký quỹ sau 40 ngày kể từ ngày HMTD tạm thời hết hạn và Chủ thẻ đã thanh toán hết các khoản Giao dịch thẻ và các khoản lãi, phí phát sinh liên quan đến HMTD được tăng.

g. Techcombank phải gửi thông báo cho Chủ thẻ hoặc thông báo trên website của Techcombank ít nhất trước 03 ngày khi thay đổi hoặc dừng cung cấp dịch vụ. Mọi thông tin được coi là Chủ thẻ đã nhận được trong thời gian 03 ngày từ khi được đăng tải trên website hoặc hình thức khác do Techcombank lựa chọn.

h. Techcombank phải gửi thông báo cho Chủ thẻ hoặc thông báo trên website của Techcombank ít nhất trước 07 ngày khi thay đổi Biểu phí dịch vụ thẻ. Mọi thông tin được coi là Chủ thẻ đã nhận được trong thời gian 07 ngày từ khi được đăng tải trên website hoặc hình thức khác do Techcombank lựa chọn.

i. Gửi Sao kê cho Chủ thẻ phát hành Thẻ qua điện thoại di động hoặc thư điện tử, cổng truy vấn sao kê điện tử.

j. Hoàn trả lại số tiền dương trên tài khoản Thẻ tín dụng của Chủ thẻ sau khi Chủ thẻ đã hoàn thành mọi nghĩa vụ trả nợ đối với Techcombank trong các trường hợp sau:

   (i) Chủ thẻ gửi đề nghị yêu cầu ngân hàng hoàn trả lại số tiền dương trên tài khoản thẻ tín dụng;

   (ii) Sau 3 tháng kể từ ngày khóa Thẻ vĩnh viễn, Techcombank sẽ thực hiện rà soát và hoàn trả lại số tiền dương trên tài khoản thẻ tín dụng cho Chủ thẻ.

k. Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này và các quy định có liên quan của pháp luật.

9.3. CAM KẾT CỦA CHỦ THẺ

a. Cam kết không thực hiện các giao dịch trái với luật pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hoặc nước sở tại nơi Chủ thẻ sử dụng Thẻ để giao dịch.

b. Cam kết chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng Thẻ đã thực hiện trước thời điểm Techcombank nhận được thông báo bằng văn bản về việc Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả mạo bởi bất kỳ người nào.

c. Đồng ý và cho phép Techcombank tìm kiếm thông tin liên quan đến Chủ thẻ từ bất kỳ bên thứ ba nào theo các quy định của Techcombank, bao gồm việc cung cấp/nhận thông tin tín dụng Chủ thẻ (bao gồm dữ liệu, số liệu, dữ kiện liên quan của Chủ thẻ) cho/từ Công ty thông tin tín dụng mà Techcombank tham gia (CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN DỤNG VIỆT NAM (PCB), mã số doanh nghiệp 0102547296, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2007 và công ty thông tin tín dụng khác theo thông báo của Techcombank từng thời kỳ) đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận, Techcombank sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Chủ thẻ cho công ty thông tin tín dụng và Techcombank đồng ý thông tin tín dụng của Chủ thẻ tại công ty thông tin tín dụng được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. Techcombank có trách nhiệm thông báo với Chủ thẻ về việc xử lý thông tin tín dụng của Chủ thẻ trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày Techcombank nhận được thông báo của công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.

d. Đồng ý để Techcombank có quyền quyết định cung cấp thông tin giao dịch Thẻ cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động Thẻ (như dịch vụ in và gửi Sao kê hoặc các dịch vụ khác do Techcombank lựa chọn không trái quy định của pháp luật Việt Nam) hoặc bên thứ ba hợp tác với Techcombank trong việc mở rộng và gia tăng thêm giá trị sử dụng Thẻ cho Chủ thẻ hoặc cơ quan công an, Ngân hàng Nhà nước để điều tra về giao dịch theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

e. Đồng ý và cho phép Techcombank cung cấp thông tin liên quan đến Chủ thẻ và Hợp đồng này cho Bên thứ ba là các cá nhân, tổ chức có chức năng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động thu hồi nợ, mua bán nợ, xử lý nợ, kiểm toán, tư vấn, thông tin tín dụng mà không cần thông báo cho Chủ thẻ về việc này. Để làm rõ, Chủ thẻ đồng ý rằng Bên thứ ba tiếp nhận thông tin của Chủ thẻ và Hợp đồng này có chức năng thu hồi nợ, mua bán nợ, xử lý nợ được phép cung cấp thông tin này cho bất kỳ cá nhân, tổ chức để thực hiện hoạt động thu hồi nợ.

f. Đồng ý và cho phép Techcombank cung cấp thông tin liên quan đến Chủ thẻ và Hợp đồng này cho Bên thứ ba là các cá nhân, tổ chức có chức năng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động cung cấp, giới thiệu, hỗ trợ cho Chủ thẻ về các thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của Techcombank mà không cần thông báo cho Chủ thẻ về việc này.

g. Trong trường hợp phát hành Thẻ tín dụng liên kết, Chủ thẻ đồng ý cho Techcombank cung cấp thông tin của Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thông tin cá nhân, thông tin phát hành Thẻ, thông tin Giao dịch thẻ của Chủ thẻ.v.v…) cho Đối tác để phục vụ cho việc cung cấp giá trị gia tăng cho Chủ thẻ trong chương trình của Đối tác.

h. Chủ thẻ cam kết dùng thu nhập hàng tháng ưu tiên để hoàn trả số dư nợ Sao kê. Chủ thẻ ủy quyền cho Techcombank được toàn quyền trích tiền lương và các khoản thu nhập hàng tháng của Chủ thẻ từ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ tại Techcombank hoặc trực tiếp liên hệ để nhận tiền từ đơn vị, cơ quan của Chủ thẻ làm việc để trả nợ. Chủ thẻ ủy quyền cho cơ quan/đơn vị hiện Chủ thẻ đang làm việc trích tiền lương, các khoản thu nhập hàng tháng và các khoản thu nhập khác (nếu có) để chi trả cho Techcombank. Việc ủy quyền này chỉ hết hiệu lực khi Chủ thẻ đã thanh toán tất cả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh tại Techcombank.

i. Trong trường hợp không tiếp tục làm việc tại cơ quan hiện tại, Chủ thẻ cam kết thông báo cho Techcombank trước thời hạn 07 ngày kể từ ngày nghỉ việc.

j. Chủ thẻ công nhận, không hủy ngang và chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch được thực hiện theo đúng quy định của Techcombank về quy trình thanh toán bằng Thẻ qua Internet và/hoặc có sử dụng chữ ký, chữ ký điện tử của Chủ thẻ mà không được hủy, phủ nhận, từ chối, thay đổi, thoái thác giao dịch với bất kỳ lý do nào; cam kết chịu mọi rủi ro liên quan đến giao dịch đã được thực hiện.

k. Đối với các giao dịch thực hiện bằng phương tiện điện tử, Chủ thẻ nhận thức đầy đủ các rủi ro có thể gặp phải khi thực hiện giao dịch, cam kết các hoạt động diễn ra do chứng từ điện tử của mình lập khớp đúng qui định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra do vô tình hay cố ý để lộ chữ ký điện tử, dẫn đến bị kẻ gian lợi dụng.

l. Chủ thẻ cam kết chấp nhận từ bỏ quyền khiếu kiện khi giao dịch có thể bị gián đoạn, không thực hiện được do bị lỗi mạng, đường truyền, hệ thống, điện, hoặc các lỗi kỹ thuật khác của bên cung ứng dịch vụ hoặc của Techcombank, hoặc do có các sự cố xuất phát từ các nguyên nhân thời tiết, động đất, thiên tai…

m. Trường hợp Chủ thẻ thực hiện thanh toán bằng Thẻ qua Internet để thanh toán cho các nhà cung ứng dịch vụ (CƯDV), Chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm về việc thực hiện quy trình thanh toán theo thỏa thuận với Nhà CƯDV, chịu trách nhiệm đối với các giao dịch cung cấp không chính xác Mã dịch vụ, Mã thanh toán và các thông tin khác liên quan; tự giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc cung ứng dịch vụ của Nhà CƯDV về số tiền thanh toán, mã thanh toán, thời điểm thanh toán; chịu trách nhiệm về các giao dịch được gửi nhiều

lần và các vấn đề khác giữa Chủ thẻ và Nhà CUDV trong mọi thời điểm, kể cả trước, trong và sau khi Techcombank đã chuyển tiền đến tài khoản của Nhà CUDV.

n. Với các giao dịch thẻ là giao dịch MOTO và các giao dịch khác như giao dịch trên internet… Chủ thẻ đồng ý rằng, Chủ thẻ có thể phải đăng ký với Techcombank để thực hiện các giao dịch này hoặc các giao dịch này có thể được thực hiện ngay sau khi Chủ thẻ đồng ý Thẻ được kích hoạt, tùy theo quy định của Techcombank từng thời kỳ. Chủ thẻ cam kết nhận thức rõ rủi ro và đồng ý nếu Techcombank mở tính năng này mà không cần Chủ thẻ đăng ký

o. Chủ thẻ cam kết chỉ sử dụng Thẻ theo đúng quy trình thanh toán bằng Thẻ qua Internet do Techcombank quy định và sử dụng Thẻ trong phạm vi số dư được phép sử dụng và trong hạn mức thanh toán theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

p. Nếu đăng ký phát hành Thẻ tín dụng liên kết, Chủ thẻ đồng ý với mọi quy định của Techcombank về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng liên kết.

q. Trong trường hợp chủ thẻ có yêu cầu trợ giúp tới Techcombank (ví dụ: điều chỉnh hạn mức sử dụng thẻ, khóa thẻ tạm thời, hủy thẻ v.v…) thông qua các hình thức bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc Chủ thẻ trực tiếp gọi điện thoại đến Techcombank (chỉ áp dụng đối với các trường hợp trợ giúp qua điện thoại theo quy định nội bộ của Techcombank trong từng thời kỳ), Chủ thẻ trực tiếp đến Chi nhánh/Phòng giao dịch của Techcombank, Chủ thẻ trực tiếp đăng ký qua Techcombank Online Banking/ Techcombank Mobile, hoặc hình thức khác theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ v.v…Chủ thẻ phải chịu mọi trách nhiệm đối với các dịch vụ Chủ thẻ yêu cầu Techcombank thay đổi.

r. Đồng ý để Techcombank thực hiện xác nhận đối với tất cả hoặc một phần giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến trong trường hợp sử dụng hình thức xác nhận đối với giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến theo tiêu chuẩn EMV 3-D Secure. Việc thực hiện xác nhận giao dịch thẻ trực tuyến sẽ theo quy định liên quan của Techcombank trong từng thời kỳ.

s. Xác nhận đã được cung cấp, hướng dẫn truy cập, đã đọc và đồng ý với Thông báo bảo mật và riêng tư dữ liệu ("Thông báo") được công bố trên trang tin điện tử (website) chính thức của Techcombank https://techcombank.com/ho-tro/chinh-sach-bao-mat. Đồng ý cung cấp Dữ liệu cá nhân ("DLCN") của Chủ thẻ, Người có liên quan trên các hồ sơ, chứng từ, tài liệu kèm theo Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; đồng thời ủy quyền và cho phép Techcombank sử dụng DLCN của Chủ thẻ, Người có liên quan để thực hiện hoạt động thu hồi nợ, mua bán nợ, xử lý nợ mà không cần thông báo cho Chủ thẻ, Người có liên quan về việc này.

t. Bằng việc cung cấp DLCN của Người có liên quan là Chủ thể dữ liệu (ví dụ: của người phụ thuộc, vợ/chồng, con, và hoặc cha mẹ, bạn bè, bên thụ hưởng,…) cho Techcombank, Chủ thẻ xác nhận và bảo đảm rằng đã có sự đồng ý/chấp thuận hợp pháp của Chủ thể DLCN để Techcombank xử lý DLCN cho các mục đích được nêu tại văn bản này, đồng thời chịu mọi trách nhiệm liên quan đến nội dung cam kết tại đây, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu/khiếu nại/khiếu kiện từ các cá nhân hoặc từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chủ thể DLCN đồng ý rằng Techcombank không có trách nhiệm phải thẩm định về tính hợp pháp, hợp lệ của sự dồng ý/chấp thuận này và việc lưu trữ bằng chứng chứng minh thuộc trách nhiệm của Chủ thể DLCN, Techcombank được miễn trách nhiệm và được yêu cầu bồi thường các thiệt hại, chi phí liên quan khi Chủ thể DLCN không thực hiện đúng nội dung quy định tại mục này.

u. Khách hàng có trách nhiệm lưu trữ bằng chứng chứng minh sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu mà Khách hàng cung cấp thông tin: người tham chiếu, người có liên quan… và cung cấp bằng chứng trong trường hợp Techcombank yêu cầu.

10. QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN BẢO HIỂM ĐỐI VỚI THẺ TÍN DỤNG ĐƯỢC BẢO HIỂM

10.1. CAM KẾT CỦA CHỦ THẺ CHÍNH THẺ TÍN DỤNG ĐƯỢC BẢO HIỂM :

a. Đồng ý để Techcombank, các bác sỹ, tổ chức y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác cung cấp cho Công ty bảo hiểm và các công ty tái bảo hiểm các thông tin liên quan đến việc thực hiện phần Hợp đồng bảo hiểm được giao kết trên cơ sở Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng sử dụng thẻ.

b. Sau khi mở Thẻ thành công, tùy từng loại Thẻ, Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm sẽ trở thành Người được bảo hiểm theo loại hình sản phẩm bảo hiểm do Techcombank mua từng thời kỳ.

c. Trong trường hợp phát sinh rủi ro thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Công ty bảo hiểm, Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm đồng ý để Techcombank trở thành Người thụ hưởng/Người nhận quyền lợi bảo hiểm. Techcombank sẽ sử dụng Quyền lợi bảo hiểm này để thanh toán các khoản nợ mà Chủ thẻ chưa thanh toán cho Techcombank (nếu có).

10.2. CHỈ ĐỊNH NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Techcombank và Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm cùng thống nhất chỉ định Techcombank sẽ là người thụ hưởng đầu tiên trong trường hợp sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với Chủ thẻ chính thuộc phạm vi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm, và sẽ không khiếu kiện Công ty bảo hiểm sau khi các quyền lợi bảo hiểm được Công ty bảo hiểm chi trả cho Techcombank. Theo đó, Công ty bảo hiểm sẽ thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho Techcombank và Techcombank được quyền sử dụng quyền lợi bảo hiểm này để thanh toán các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm chưa trả cho Techcombank (nếu có). Sau khi đối trừ các khoản nợ, nếu quyền lợi bảo hiểm không đủ so với các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm phải trả cho Techcombank, trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn và thanh toán các khoản phí, lãi phát sinh (nếu có) được thực hiện theo quy định của Techcombank và pháp luật; nếu quyền lợi bảo hiểm nhiều hơn so với các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm phải trả cho Techcombank, Techcombank có trách nhiệm hoàn trả quyền lợi bảo hiểm còn lại theo quy định của Techcombank và pháp luật.

10.3. ỦY QUYỀN NHẬN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Trong trường hợp Công ty bảo hiểm giải quyết quyền lợi bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra, Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm đồng ý ủy quyền cho Techcombank nhận toàn bộ quyền lợi bảo hiểm này thay cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm với các thỏa thuận sau:

a. Ủy quyền này có hiệu lực trong thời hạn sử dụng thẻ tín dụng và trong suốt thời gian có hiệu lực của phần Hợp đồng bảo hiểm liên quan đến từng Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm;

b. Ủy quyền này không được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, chấm dứt trong suốt thời gian có hiệu lực của phần Hợp đồng bảo hiểm liên quan đến từng Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm.

c. Techcombank được quyền sử dụng Quyền lợi bảo hiểm này để thanh toán các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm chưa trả cho Techcombank (nếu có). Sau khi đối trừ các khoản nợ, nếu quyền lợi bảo hiểm không đủ so với các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm phải trả cho Techcombank, Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm có trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn và thanh toán các khoản phí, lãi phát sinh (nếu có); nếu quyền lợi bảo hiểm nhiều hơn so với các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm phải trả cho Techcombank, Techcombank có trách nhiệm hoàn trả cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm số tiền còn lại theo quy định của Techcombank và pháp luật.

d. Để đối trừ các khoản nợ chưa trả của Chủ thẻ chính thẻ tín dụng, Techcombank được quyền tạm khóa/phong tỏa tài khoản của Chủ thẻ chính trong trường hợp cần thiết.

10.4. GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

a. Trường hợp nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra và thuộc phạm vi bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm cấp cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm, Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải thông báo cho Techcombank hoặc Công ty bảo hiểm, trong vòng 30 ngày kể từ khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Techcombank

và Công ty bảo hiểm có trách nhiệm phối hợp để giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo thỏa thuận giữa Techcombank và Công ty bảo hiểm.

b. Techcombank và Công ty bảo hiểm có trách nhiệm độc lập với Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Techcombank không có trách nhiệm trong việc trả lời/giải quyết khiếu kiện từ Chủ thẻ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm của Công ty bảo hiểm.

11. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

11.1. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

a. Nếu Chủ thẻ sử dụng Thẻ để đặt trước các dịch vụ nhưng không sử dụng dịch vụ đó và không thông báo huỷ dịch vụ trong thời hạn quy định của ĐVCNT, Chủ thẻ có thể phải thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị dịch vụ, các loại thuế và phí liên quan theo quy định của từng ĐVCNT. Techcombank có quyền ghi nợ Tài khoản của Chủ thẻ đối với các trường hợp này.

b. Nếu Techcombank xét thấy Chủ thẻ vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành Thẻ tín dụng theo quy định của Techcombank, Techcombank có thể xem xét thực hiện các thủ tục phát hành lại thẻ tín dụng thay thế thẻ tín dụng hết hạn cho Chủ thẻ phù hợp với điều kiện, quy định của Techcombank trong từng thời kỳ trong các trường hợp sau đây:

   (i) Trong vòng 60 ngày trước ngày hết hạn Thẻ, Techcombank không nhận được bất kỳ thông báo nào về việc ngừng sử dụng Thẻ từ Chủ thẻ; hoặc

   (ii) Trong vòng 90 ngày sau ngày hết hạn thẻ, Techcombank nhận được thông báo về việc đề nghị phát hành lại thẻ tín dụng thay thế thẻ tín dụng hết hạn từ Chủ thẻ.

c. Trong trường hợp Techcombank xét thấy việc phát hành lại thẻ tín dụng thay thế thẻ tín dụng hết hạn đã đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b nêu trên, Chủ thẻ sẽ mặc nhiên chấp nhận Đề nghị phát hành thẻ tín dụng mà chủ thẻ đã ký kết trước đó cùng Điều khoản, điều kiện đính kèm này sẽ tự động được gia hạn hiệu lực theo thời hạn hiệu lực mới của Thẻ tín dụng thay thế. Bất cứ yêu cầu nào khác của Chủ thẻ liên quan đến việc phát hành lại và sử dụng Thẻ phải được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng hình thức được pháp luật cho phép hoặc do hai bên thỏa thuận. Techcombank sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh do việc thực hiện theo các yêu cầu của Chủ thẻ không thực hiện thông qua các hình thức này.

d. Trừ khi Techcombank có văn bản khước từ quyền hạn, quyền lực hay biện pháp của mình, mọi sự thất bại hay chậm trễ trong việc thực thi bất kỳ quyền hạn, quyền lực hay biện pháp nào của Techcombank sẽ không coi như là sự khước từ toàn bộ hay khước từ một phần các quyền hạn, quyền lực hay biện pháp đó.

e. Chi phí gia tăng: Khi phát sinh sự kiện làm tăng chi phí Techcombank, Techcombank sẽ tính toán và thông báo cho Chủ thẻ số chi phí tăng thêm mà Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo, Chủ thẻ có nghĩa vụ bồi hoàn cho Techcombank số tiền chi phí tăng thêm được quy định trong Thông báo. Trường hợp Chủ thẻ chậm trả Số tiền Chi Phí Tăng Thêm này, Chủ thẻ sẽ phải trả lãi trên số tiền chậm trả này theo mức Lãi phạt chậm trả, cách tính lãi được quy định tại Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này.

f. Đối với thẻ liên kết Vietnam Airlines Techcombank Visa, thời hạn tối đa cho các khiếu nại về dặm thưởng là 120 ngày kể từ ngày thực hiện giao dịch.

g. Việc hoàn tiền/tích điểm đối với các loại Thẻ có tính năng hoàn tiền/tích điểm cho khách hàng được thực hiện theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ và được đăng tải trên website chính thức của Ngân hàng tại địa chỉ:www.techcombank.com. Tính năng hoàn tiền/tích điểm là một giá trị tăng thêm mà Techcombank dành cho Chủ thẻ đối với loại Thẻ cụ thể, do đó, trong mọi thời điểm, Techcombank có toàn quyền hủy bỏ, thay đổi, điều chỉnh các nội dung liên quan tới tính năng này. Techcombank sẽ thông báo về việc hủy bỏ/thay đổi/điều chỉnh các nội dung liên quan tới tính năng hoàn tiền/tích điểm trên website của Techcombank và/hoặc gửi thông báo cho Chủ thẻ qua một trong các các phương tiện: email, điện thoại cố định, tin nhắn qua điện

thoại di động của Chủ thẻ, màn hình Dịch vụ tương ứng hoặc thông báo bằng hình thức khác mà Techcombank thấy phù hợp. Những thay đổi, sửa đổi, điều chỉnh sẽ có hiệu lực vào ngày được xác định trong thông báo.

Các giao dịch thẻ không được hoàn tiền là các giao dịch thẻ có dấu hiệu trục lợi, sử dụng thẻ sai mục đích, mua bán khống…

Trong trường hợp Techcombank nghi ngờ giao dịch thẻ không được hoàn tiền, Techcombank có quyền yêu cầu Chủ thẻ cung cấp hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch để chứng minh giao dịch của chủ thẻ là mua bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng quy định của Pháp luật và điều kiện hoàn tiền của Techcombank. Chủ thẻ bổ sung chứng từ/hóa đơn VAT/ hóa đơn mua từ cơ quan thuế hợp lệ cho Techcombank trong vòng 05 ngày làm việc tại địa điểm giao dịch của Techcombank kể từ liền sau ngày Techcombank thông báo. Trường hợp Chủ thẻ bổ sung chứng từ/hóa đơn sau thời gian yêu cầu, Techcombank có quyền từ chối hoàn tiền/tích điểm và thu hồi lại giá trị các giao dịch hoàn tiền/tích điểm đã được Techcombank thanh toán hoặc điểm đã được tích. Techcombank có quyền trích nợ hoặc ghi nợ giá trị các giao dịch hoàn tiền/tích điểm trên tài khoản thẻ tín dụng của chủ thẻ tại Techcombank không được Techcombank thừa nhận trong trường hợp chủ thẻ không cung cấp hóa đơn, chứng từ liên quan hoặc hóa đơn, chứng từ liên quan do chủ thẻ cung cấp không phù hợp với quy định của Techcombank

h. Sự Kiện Bất Khả Kháng. Bất khả kháng là những sự kiện xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của Ngân Hàng, không thể nhìn thấy trước và không thể ngăn cản, là nguyên nhân trực tiếp gây ra tổn thất, thiệt hại cho Khách Hàng và cản trở khả năng của Ngân Hàng trong quá trình thực hiện các nghĩa vụ đối với Khách Hàng. Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm về các Sự Kiện Bất Khả Kháng ví dụ như không có sẵn tiền hoặc bất kỳ tổn thất nào mà Khách Hàng phải chịu do các hạn chế về khả năng chuyển đổi hoặc chuyển ngân, các trường hợp khiếu nại, chuyển tiền bắt buộc, thay đổi về luật (ví dụ như các quy định về quản lý ngoại hối), việc ngưng hoạt động, bị trưng thu, chiến tranh hoặc nội chiến, thiên tai, dịch bệnh, đình công, bãi công hoặc các nguyên nhân khác nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ngân Hàng, bất kể phát sinh trong hoặc ngoài Việt Nam hoặc tại bất cứ nơi nào có các khoản tiền được ký thác hoặc có thể được chuyển đi.

11.2. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG

a. Techcombank có quyền sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Chủ thẻ hoặc thông báo trên website của Techcombank. Các sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được ghi rõ trong thông báo hoặc từ ngày Techcombank gửi thông báo (nếu không ghi rõ ngày hiệu lực trên thông báo).

b. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày Techcombank thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều khoản, điều kiện này, nếu Chủ thẻ không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung do Techcombank đưa ra, Chủ thẻ có trách nhiệm thông báo với Techcombank để thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ này.

c. Nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau thời hạn 5 ngày kể từ ngày Techcombank thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều khoản, điều kiện được hiểu là Chủ thẻ chấp nhận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung đó.

11.3. LUẬT ĐIỀU CHỈNH, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

a. Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này được điều chỉnh bởi luật pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định về phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ quốc tế.

b. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc liên quan đến việc giải thích từ ngữ cũng như việc thực hiện Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ này giữa Chủ thẻ và Techcombank, trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp hoà giải không thành, các bên có quyền đưa tranh chấp ra Toà án có thẩm quyền ở Việt Nam để giải quyết.

11.4. THỜI HẠN HIỆU LỰC VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

a. Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này có hiệu lực áp dụng đối với Chủ thẻ kể từ ngày Thẻ của Chủ thẻ được Techcombank kích hoạt cho đến khi Chủ thẻ hoàn thành mọi nghĩa vụ thanh toán theo Đề

nghị kiêm Hợp đồng phát hành thẻ hoặc trong vòng 90 ngày sau ngày hết hạn thẻ mà Techcombank không nhận được thông báo của Chủ thẻ về việc đề nghị phát hành lại thẻ thay thế, tùy trường hợp nào xảy ra sau.

b. Những tài liệu kèm theo Điều khoản, điều kiện này hoặc để thực hiện Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này (Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Thư xác nhận của đơn vị công tác, Hợp đồng bảo đảm, Sao kê, Biểu phí phát hành và sử dụng Thẻ, Đơn/yêu cầu đề nghị tăng/giảm Hạn mức tín dụng, Điều khoản và điều kiện về mở tài khoản và sử dụng dịch vụ tài khoản tại Techcombank, yêu cầu trợ giúp khác của Chủ thẻ qua Tổng đài Techcombank …) là một bộ phận không thể tách rời của Điều khoản, điều kiện này và toàn bộ các tài liệu này cấu thành Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

c. Chủ thẻ xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với Điều khoản, điều kiện này, Điều khoản và điều kiện về mở tài khoản và sử dụng dịch vụ tài khoản tại Techcombank, đã được Techcombank giải thích chính xác, đầy đủ về các nội dung trước khi ký. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được lập bằng tiếng Việt. Nếu có bên nước ngoài tham gia, các bên thống nhất sử dụng bản tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt có giá trị sử dụng.

d. Chủ thẻ có thể tham khảo nội dung của Điều khoản, điều kiện này tại website của Techcombank.